TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 13 – 10 – 2017.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Hồ Minh Phương**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Ông **Nguyễn Hoàng Tiến**.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Trương Minh Tấn –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình*: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2017/QĐXX–HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 133 ngày 19/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu P**, sinh năm: 1990 (*có mặt*).

ĐKHKTT: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhựt Đ**, sinh năm: 1985 (*có mặt*).

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2017 của chị Trần Thị Thu P và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Về hôn nhân: chị P và anh Đ tổ chức lễ cưới vào ngày 21/10/2008 âm lịch. Hôn nhân là do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, hai bên có tổ chức lễ cưới. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng được khoảng 09 (Chín) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng 4/2017 thì hai bên ly thân cho đến nay.

Theo chị P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do: hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, trong cuộc sống vợ

chồng không có tiếng nói chung, anh Đ thường đi chơi khuya, không quan tâm đến vợ con. Do vậy đến 4/2017 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: chị P trình bày trong quá trình sống chung thì vợ chồng có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015. Hiện nay cháu A sống chung với chị P còn cháu N sống chung với anh Đ.

Về tài sản chung: chị P trình bày tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, nợ phải trả: chị P trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đ; Về con chung: chị P yêu cầu được nuôi 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015 và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 650.000^{đ} (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng), hai người con là 1.300.000^{đ} (Một triệu ba trăm ngàn đồng) trên một tháng; Về tài sản chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ phải thu, nợ phải trả: chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra chị P không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Phía bị đơn là anh Nguyễn Nhựt Đ: Căn cứ vào các Điều 196, 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh Đ cũng không tham dự.

Do vậy căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh Đ và chị P tổ chức lễ cưới vào ngày 21/10/2008 âm lịch. Hôn nhân là do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, hai bên có tổ chức lễ cưới. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng được khoảng 09 (Chín) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng 4/2017 thì hai bên ly thân cho đến nay.

Theo anh Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do: anh Đ thường đi chơi từ 07 giờ tối hôm trước đến 01 hoặc 02 giờ sáng ngày hôm sau mới về, anh Đ không quan tâm đến vợ con, hai bên thường xảy ra cự cãi. Do vậy đến 4/2017 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: anh Đ trình bày trong quá trình sống chung thì vợ chồng có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015. Hiện nay cháu A sống chung với chị P còn cháu N sống chung với anh Đ.

Về tài sản chung: anh Đ trình bày tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, nợ phải trả: anh Đ trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay anh Đ yêu cầu được đoàn tụ với chị P vì còn thương vợ và con; Nếu Tòa án giải quyết cho chị P ly hôn với anh Đ thì về con chung: anh Đ yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 thì anh Đ đồng ý giao cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: anh Đ không

yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ phải thu, nợ phải trả: anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra anh Đ không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Phía nguyên đơn là chị P đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: *01 đơn khởi kiện của chị P, bản đánh máy trên 02 mặt giấy A4, ngày 14/6/2017; 01 bản tự khai của chị P, bản đánh máy trên 02 mặt giấy A4, ngày 14/6/2017; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị P (bản photo có chứng thực); 01 giấy chứng nhận kết hôn, bản chính; 02 giấy khai sinh của Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N (bản sao có xác nhận); 01 xác nhận nơi cư trú đương sự của chị P, ghi ngày 05/6/2017, có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 08/6/2017; 01 phiếu gửi phát nhanh, có dấu bưu điện ngày 14/6/2017*

+ Phía bị đơn là anh Đ không có giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: chị P trình bày thì trên cơ sở mai mối và được sự đồng ý của gia đình, chị P và anh Đ tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2008 và đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B. Đây được xem là hôn nhân hợp pháp và không phải chứng minh do chị P đã nộp bản chính giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp.

+ Về con chung: chị P trình bày thì vợ chồng có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015. Theo giấy khai sinh của Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N (bản sao, có xác nhận của chính quyền địa phương) do chị P giao nộp cho Tòa án thì xác định chị P và anh Đ là cha, mẹ ruột của Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh Đ cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đ là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

* Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn là anh Đ. Nhưng anh Đ đã vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ.

[2]. Về nội dung vụ việc:

***** Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, theo lời trình bày của chị P thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ thường đi chơi khuya, không quan tâm đến vợ con. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, phía anh Đ là chồng nhưng lại không có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau với chị P mà thường đi chơi khuya, không quan tâm đến chị P và con. Xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị P về việc xin ly hôn với anh Đ. Cho chị P được ly hôn với anh Đ.

* Về con chung: chị P và anh Đ có với nhau 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015. Hiện nay cháu A sống chung với chị P còn cháu N sống chung với anh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay phía chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015.

Xét yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N của chị P là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ xét thấy mặc dù cháu Nguyễn Thanh N hiện sống chung với anh Đ nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Xét thấy, Nguyễn Thanh N chưa đủ 36 tháng tuổi và phía chị P không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, hiện nay Nguyễn Trúc A đang sống chung với chị P và tránh chia cắt tình cảm chị em giữa Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N. Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N cho chị P nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*". Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: anh Đ không trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 650.000^{đ} (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) trên 01 tháng, hai người con là 1.300.000^{đ} (Một triệu ba trăm ngàn đồng) trên 01 tháng.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trúc A và Nguyễn Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung: chị P, anh Đ trình bày tài sản chung không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung với nhau hoặc với một bên thứ ba thì sẽ giành cho các bên hoặc bên thứ ba một vụ kiện khác.

* Về nợ phải thu và nợ phải trả: chị P, anh Đ trình bày thì trong quá trình sống chung thì chị P và anh Đ không có nợ phải thu, nợ phải trả, nay chị P, anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về nợ phải thu, nợ phải trả với nhau hoặc với một bên thứ ba thì sẽ giành cho các bên hoặc bên thứ ba một vụ kiện khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P và anh Đ phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu P. Cho chị Trần Thị Thu P được ly hôn với anh Nguyễn Nhựt Đ.

2/ Về con chung: Giao 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015 cho chị Trần Thị Thu P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Do người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015 đang do anh Nguyễn Nhựt Đ nuôi dưỡng nên buộc anh Nguyễn Nhựt Đ phải giao con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 21/7/2015 cho chị Trần Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Nhựt Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 650.000^{đ} (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) trên 01 tháng, hai người con tổng cộng là 1.300.000^{đ} (Một triệu ba trăm ngàn đồng) trên 01 tháng.

Anh Nguyễn Nhựt Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: chị Trần Thị Thu P và anh Nguyễn Nhựt Đ trình bày tài sản chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung với nhau hoặc với một bên thứ ba thì sẽ giành cho các bên hoặc bên thứ ba một vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Trần Thị Thu P và anh Nguyễn Nhựt Đ trình bày thì trong quá trình sống chung thì chị Trần Thị Thu P và anh Nguyễn Nhựt Đ không có nợ phải thu, nợ phải trả, nay chị Trần Thị Thu P và anh Nguyễn Nhựt Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp về nợ phải thu, nợ phải trả với nhau hoặc với một bên thứ ba thì sẽ giành cho các bên hoặc bên thứ ba một vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Trần Thị Thu P phải nộp số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (Ba

trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010042 ngày 14/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Trần Thị Thu P không phải nộp thêm.

+ Buộc anh Nguyễn Nhựt Đ phải nộp số tiền là 300.000[đ] (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;*
- *VKSND huyện Tam Bình: 01;*
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;*
- *UBND xã nơi ĐKKH: 01;*
- *Đương sự: 03;*
- *Lưu hồ sơ: 01;*
- *Lưu án văn: 06.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

HỒ MINH PHƯƠNG